

TRƯỜNG THCS CHÂU VĂN LIÊM

TUẦN 2 (13/9-17/9/2021)

MÔN NGỮ VĂN 9 ĐẤU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HÒA BÌNH

I. ĐỌC- HIỂU CHÚ THÍCH:

A. Tác giả- Tác phẩm:

-Tác giả: Xem sgk tr.19

-Kiểu loại: Văn bản nhật dụng
nghị luận chính trị xã hội

B. Từ khó: Xem SGK trang 20

C. Bố cục: 4 đoạn

C1. Nguy cơ chiến tranh hạt nhân

C2.>Cuộc chạy đua vũ trang chuẩn bị cho chiến tranh hạt nhân đã làm mất đi khả năng để con người được sống tốt đẹp hơn

C3.>Chiến tranh hạt nhân chẳng những đi ngược lại lí trí của con người mà còn đi ngược lí trí của tự nhiên

C4.>Mọi người cần đoàn kết để đấu tranh cho một thế giới hòa bình

II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN:

1) Luận điểm và hệ thống luận cứ của văn bản:

Luận điểm:

Chiến tranh hạt nhân là một hiểm họa khủng khiếp đang đe dọa toàn thể loài người và mọi sự sống trên trái đất. Vì vậy đấu tranh để loại bỏ nguy cơ ấy cho một thế giới hòa bình là nhiệm vụ cấp bách của toàn thể nhân loại

Hệ thống luận cứ: Xem lại bố cục

2) Phân tích các luận cứ của văn bản:

a. Nguy cơ chiến tranh hạt nhân

-Các chi tiết nguy cơ: Xem gạch dưới sgk tr.17

-->Tác giả đã vào vấn đề trực tiếp bằng những chứng cứ xác thực gây ấn tượng mạnh mẽ

C2.>Cuộc chạy đua vũ trang chuẩn bị cho chiến tranh hạt nhân đã làm mất đi khả năng để con người được sống tốt đẹp hơn

-Các chi tiết: Xem gạch dưới sgk tr.18

Tác giả đã đưa ra những ví dụ so sánh trên nhiều lĩnh vực như: y tế, tiếp tế thực phẩm, giáo dục, đã khiến cho người đọc ngạc nhiên trước một sự thật hết sức phi lí

→ cách lập luận có sức thuyết phục

C3.>Chiến tranh hạt nhân chẳng những đi ngược lại lí trí của con người mà còn đi ngược lí trí của tự nhiên

- Các chi tiết: Xem gạch dưới sgk tr.19
- Lí trí con người: Là sự tiến hóa của con người
- Lí trí tự nhiên: Là qui luật tiến hóa của tự nhiên
- Đẩy lùi sự tiến hóa hàng trăm triệu năm của con người và tự nhiên trở về điểm xuất phát ban đầu

C4.>Mọi người cần đoàn kết để đấu tranh cho một thế giới hòa bình

- Các chi tiết: Xem gạch dưới sgk tr.19
- Lưu giữ kí ức, bảo tồn văn hóa, văn minh nhân loại có tầm quan trọng to lớn
- Lịch sử sẽ lên án những kẻ hiếu chiến nếu đẩy nhân loại vào thảm họa hạt nhân
- Cần đấu tranh ngăn chặn chiến tranh hạt nhân, cho một thế giới hòa bình

3)Văn bản được đặt tên là ĐẤU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HÒA BÌNH VÌ:

Chủ ý của người viết không chỉ là chỉ ra mối đe dọa của vũ khí hạt nhân, mà còn muốn nhấn mạnh vào nhiệm vụ đấu tranh để ngăn chặn nguy cơ chiến tranh hạt nhân. Nhan đề như một lời kêu gọi hướng toàn thể nhân loại tới một thái độ đấu tranh tích cực để bảo vệ hòa bình thế giới và bảo vệ nền văn minh nhân loại.

III.GHI NHỚ: SGK trang 8

LUYỆN TẬP SỬ DỤNG YẾU TỐ MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH

I.Tìm hiểu yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh

Yếu tố miêu tả làm cho đối tượng thuyết minh được nổi bật và gây ấn tượng.

II.Luyện tập sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh

Cho đề bài: Con trâu ở làng quê Việt Nam

1)Mở bài:

Giới thiệu chung về con trâu ở làng quê VN

2) Thân bài:

- +Con trâu là sức kéo chủ yếu trên đồng ruộng VN
- +Con trâu là tài sản lớn của người nông dân
- +Con trâu trong các lễ hội VN
- +Con trâu với tuổi thơ VN
- +Con trâu cung cấp thực phẩm và nguyên liệu chế biến thủ công mỹ nghệ

3) Kết bài:

Khẳng định vai trò to lớn của con trâu trong đời sống vật chất và tinh thần của người VN

TUẦN 2- MÔN LỊCH SỬ 9
GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

1. Giáo viên biên soạn Tài liệu học tập và Phiếu hướng dẫn học sinh tự học

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC (TUẦN 2)

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	LỚP 9 PHẦN MỘT: LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY CHƯƠNG I: LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI BÀI 1: LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN GIỮA NHỮNG NĂM 70 CỦA TK XX (tiếp theo)
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	- HS đọc SGK LS 9 NXBGD 1/ Mục tiêu bài học Hiểu và trình bày được một cách khái quát về: - Công cuộc khôi phục kinh tế sau chiến tranh (1945 - 1950) và xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô. - Sự ra đời của các nhà nước dân chủ nhân dân Đông Âu và thành tựu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân Đông Âu. - Sự hình thành hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa. - Tinh thần lao động xây dựng đất nước và thành tựu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân Liên Xô. 2/ Cách học Sử dụng Hình 2. Lược đồ các nước dân chủ nhân dân Đông Âu, xác định trên lược đồ vị trí, tên của các nhà nước dân chủ nhân dân Đông Âu (riêng nước Đức, cần tìm hiểu đoạn chữ nhỏ trang 6, SGK để hiểu lí do dẫn đến sự chia cắt và quá trình chia cắt nước Đức sau Chiến tranh thế giới thứ hai). + Tìm hiểu SGK, nêu được những nhiệm vụ mà các nước Đông Âu đã thực hiện từ năm 1945 đến năm 1949. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội (từ năm 1950 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX), dựa vào SGK để nêu được : + Nhiệm vụ chính của các nước Đông Âu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. + Những thành tựu cụ thể mà nhân dân các nước Đông Âu đã đạt được trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. 3/ Một số khái niệm, thuật ngữ: - Đông Âu: chỉ vị trí địa lí các nước nằm ở phía đông của châu Âu. Trong giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1991, tên gọi Đông Âu cũng để chỉ các

	nước thuộc hệ thống xã hội chủ nghĩa, phân biệt với Tây Âu.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	TRẢ LỜI CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP TRONG SGK - Câu 4. Hoàn cảnh ra đời các nước dân chủ nhân dân Đông Âu: Dựa vào mục II để trả lời. - Câu 5. Để hoàn thành cuộc cách mạng dân chủ nhân dân, các nước Đông Âu đã thực hiện những nhiệm vụ. - Câu 6. Những nhiệm vụ chính của các nước Đông Âu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội gồm? - Câu 7. Những thành tựu mà các nước Đông Âu đạt được trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội?

2. Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Lịch sử	Mục I: Phần II:	1. 2. 3.

BÀI GHI CỦA HS

PHẦN MỘT: LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY **CHƯƠNG I: LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI**

BÀI 1: LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN GIỮA NHỮNG NĂM 70 CỦA TK XX

I. Liên Xô (Tiết 1 - Tuần 1)

II. Đông Âu:

1) Sự ra đời của các nước dân chủ nhân dân Đông Âu:

- Trong CTTG 2, tiến hành cuộc đấu tranh chống phát xít và giành thắng lợi, thành lập các nhà nước Dân chủ nhân dân: Ba- Lan (tháng 7-1944), Tiệp- Khắc (tháng 5-1945) ...

- Nước Đức bị chia cắt:

+ Phía Tây: Cộng hòa Liên bang Đức (tháng 9 – 1949) và

+ Phía Đông: Cộng hòa Dân chủ Đức (tháng 10- 1949).

- Từ năm 1945- 1949, hoàn thành những nhiệm vụ của cách mạng dân tộc dân chủ: Xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân, cải cách ruộng đất, thực hiện các quyền tự do dân chủ ...

2) Tiến hành xây dựng CNXH (Từ năm 1950 đến đầu những năm 70 của TK XX):
 (Hướng dẫn học sinh đọc thêm)

III. SỰ HÌNH THÀNH HỆ THỐNG XHCN

1. Cơ sở của sự hợp tác:

- Cùng chung mục tiêu xây dựng CNXH
- Đều đặt dưới sự lãnh đạo của các ĐCS
- Cùng chung hệ tư tưởng của CN Mác – Lênin

2. Quá trình hợp tác:

- Hội đồng tương trợ kinh tế: (SEV) thành lập vào ngày 8/1/1949
- Tổ chức Hiệp ước Vác – xa – va: thành lập vào tháng 5/1955

PHIẾU HỌC TẬP TIẾT 1+2-BÀI 1-LỊCH SỬ 9

Câu 1. Hãy khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

1. Trong những năm 1946 - 1950, Liên Xô thực hiện chủ trương khôi phục kinh tế vì:

- A. phải chịu những tổn thất nặng nề do chiến tranh gây ra.
- B. muốn xây dựng nền kinh tế mạnh, đủ sức cạnh tranh với Mỹ.
- C. muốn đưa Liên Xô trở thành cường quốc kinh tế đứng đầu thế giới.
- D. công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đã bị gián đoạn từ năm 1941.

2. Sự kiện đánh dấu bước phát triển vượt bậc của nền khoa học - kỹ thuật Liên Xô vào năm 1949 là:

- A. chế tạo thành công bom nguyên tử.
- B. chế tạo thành công vệ tinh nhân tạo.
- C. Đưa con người lên thám hiểm Mặt Trăng.
- D. đưa con người lần đầu tiên bay vào vũ trụ.

3. Yếu tố quyết định dẫn đến sự thành lập các nhà nước dân chủ nhân dân Đông Âu là:

- A. sự giúp đỡ của Hồng quân Liên Xô trên đường truy kích quân đội phát xít Đức.
- B. sự phản đối của nhân dân thế giới, buộc phát xít Đức phải rút khỏi các nước Đông Âu.
- C. cuộc nổi dậy và khởi nghĩa vũ trang của nhân dân Đông Âu dưới sự lãnh đạo của những người cộng sản.
- D. sự suy yếu của các thế lực phát xít, buộc phát xít Đức phải trao trả độc lập cho nhân dân các nước Đông Âu.

4. Quan hệ hợp tác giữa các nước xã hội chủ nghĩa từ sau năm 1945 dựa trên cơ sở chính là:

- A. sự đoàn kết tương trợ, giúp đỡ nhau cùng phát triển.
- B. cùng chung mục tiêu xây dựng một xã hội dân chủ.
- C. muốn củng cố tiềm lực quốc phòng, góp phần duy trì hoà bình và an ninh thế giới.
- D. thực hiện mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội, theo hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lenin, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

5. Việt Nam trở thành thành viên của khối SEV vào năm:

- A. 1950.
- B. 1962.
- C. 1972.
- D. 1978.

6. Mục đích chính sách đối ngoại của Liên Xô sau Chiến tranh thế giới thứ hai là:

- A. đưa Liên Xô trở thành nước bá chủ thế giới.
- B. đưa Liên Xô trở thành tiền đồn chống lại các nước tư bản.
- C. đưa Liên Xô trở thành "người anh cả" của các nước xã hội chủ nghĩa.
- D. đưa Liên Xô trở thành chỗ dựa vững chắc của hoà bình và cách mạng thế giới.

Câu 2. Điền vào cột bên phải những thành tựu chủ yếu về khoa học - kĩ thuật của Liên Xô tương ứng với thời gian ghi trong bảng sau:

Thời gian	Thành tựu
Năm 1949	
Năm 1957	
Năm 196	
Từ năm 1959 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX	

Câu 3. Điền tên các nước tham gia vào khối SEV cho phù hợp với thời gian gia nhập ở cột A:

Thời gian gia nhập	Tên nước
Ngày 8-1-1949	
Năm 1950	
Năm 1962	
Năm 1972	
Năm 1978	

Câu 4. Hãy nêu những cơ sở dẫn tới sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 5. Hãy trình bày mục đích ra đời và những thành tựu của Hội đồng tương trợ kinh tế trong những năm 1951 - 1973.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỊA 9- TUẦN 2: Từ (13/9 – 19/9/ 2021)

BÀI 3: PHÂN BỐ DÂN CƯ VÀ CÁC LOẠI HÌNH QUẦN CƯ

I. Mật độ dân số và phân bố dân cư:

- Mật độ dân số nước ta cao 246 người/km² (2003), 260 người/km²(2011), cao gấp 5 lần thế giới.
- Dân cư nước ta phân bố không đều theo lãnh thổ.
- + Tập trung đông ở đồng bằng, ven biển và các đô thị. (Cao nhất Đồng bằng sông Hồng 1192 người/km²), Hà Nội 2830 người/km², TP Hồ Chí Minh 2664 người/km²
- + Miền núi, cao nguyên dân cư thưa thớt .
- Khoảng 74 % dân số sống ở nông thôn , 26 % ở thành thị (2003)
- Những vùng có mật độ cao trên 1000 người / km²: Đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ ...
- Những vùng có mật độ thấp nhất : Tây Bắc, Tây Nguyên, Trường Sơn Bắc ...
- Nguyên nhân vùng đồng bằng có điều kiện sống thuận lợi, đi lại dễ dàng, sản xuất phát triển, đời sống văn hóa cao ...; vùng núi đi lại khó khăn, sản xuất ,đời sống khó khăn... → Miền núi thiếu lao động để khai thác tiềm năng kinh tế. Đồng bằng chịu sức ép dân số đến kinh tế - xã hội và môi trường.
- Phân bố dân cư giữa thành thị và nông thôn cũng chênh lệch nhau phản ánh đặc trưng sản xuất của kinh tế nước ta chủ yếu là nông nghiệp.

II. Các loại hình quần cư:

1. Quần cư nông thôn: người dân sống trải rộng theo lãnh thổ, tập trung thành làng, ấp, bản, buôn... với hoạt động kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp. Mật độ dân số thấp. Sự thay đổi cơ cấu kinh tế đang làm cho bộ mặt nông thôn thay đổi, nhiều cơ sở dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp ra đời , diện mạo làng quê có nhiều thay đổi, tỉ lệ người không làm nông nghiệp ngày càng tăng .

2. Quần cư thành thị: dân cư sống tập trung đông ở thị trấn, mật độ dân số rất cao, nhà dày đặc kiểu nhà ống , chung cư cao tầng , hoạt động kinh tế chủ yếu là công nghiệp, dịch vụ. Là trung tâm kinh tế chính trị văn hóa, KHKT của mỗi địa phương.

III. Đô thị hoá:

- Số dân đô thị tăng, quy mô đô thị được mở rộng, phổ biến lối sống thành thị.
- Trình độ đô thị hoá thấp do nền kinh tế chuyển hướng chậm và quá trình công nghiệp hóa chậm.
- Phần lớn các đô thị nước ta thuộc loại vừa và nhỏ, tập trung ở đồng bằng và ven biển.
- Nhờ sự phát triển kinh tế làm quá trình đô thị hoá ở nước ta diễn ra với tốc độ ngày càng cao.

CÂU HỎI

1. Trình bày đặc điểm phân bố dân cư của nước ta.
2. Nêu đặc điểm các loại hình quần cư .

Bài 4: LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM. CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG

I. Nguồn lao động và sử dụng lao động:

1. Nguồn lao động:

- Nguồn lao động nước ta dồi dào và tăng nhanh. Trung bình mỗi năm tăng thêm 1 triệu người.
- + Mặt mạnh: Nguồn lao động nước ta có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, thủ công nghiệp, có khả năng tiếp thu khoa học kỹ thuật. Chất lượng nguồn lao động được nâng cao.
- Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế nhưng đồng thời cũng gây sức ép đến vấn đề giải quyết việc làm.
- + Hạn chế : Lao động nước ta còn hạn chế về thể lực và trình độ chuyên môn.
- + Để nâng cao chất lượng lao động cần thực hiện việc phân bố lại lao động, nâng cao mặt bằng dân trí, chú trọng công tác hướng nghiệp đào tạo nghề, rèn luyện thể lực, chế độ dinh dưỡng hợp lý.

2. Sử dụng lao động:

- Số lao động có việc làm ngày càng tăng.
- Cơ cấu sử dụng lao động trong các ngành kinh tế đang thay đổi theo hướng tích cực: tỉ trọng lao động trong khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ tăng, tỉ trọng lao động trong khu vực nông, lâm, ngư nghiệp giảm, phù hợp với yêu cầu của công nghiệp hoá đất nước hiện nay.

II. Vấn đề việc làm:

- Nguồn lao động dồi dào trong điều kiện nền kinh tế chưa phát triển đã tạo ra sức ép rất lớn đối với vấn đề giải quyết việc làm.
- Khu vực nông thôn: thiếu việc làm là nét đặc trưng .Tỉ lệ thời gian làm việc được sử dụng 77,7%.Do đặc điểm mùa vụ của sản xuất nông nghiệp và sự phát triển ngành nghề còn hạn chế.
- Khu vực thành thị: tỉ lệ thất nghiệp tương đối cao khoảng 6 %.
- Biện pháp : Phân bố lại lao động và dân cư. Đa dạng hoạt động kinh tế ở nông thôn. Phát triển công nghiệp, dịch vụ ở thành thị. Đa dạng hóa các loại hình đào tạo, hướng nghiệp dạy nghề...

III. Chất lượng cuộc sống:

- Chất lượng cuộc sống của nhân dân ta còn thấp, chênh lệch giữa các vùng, giữa thành thị và nông thôn. Chất lượng cuộc sống đang được cải thiện.
- Thành tựu : Tỉ lệ người lớn biết chữ đạt 90,3%, thu nhập bình quân đầu người tăng, người dân được hưởng các dịch vụ xã hội ngày càng tốt hơn, tuổi thọ bình quân ngày càng tăng, tỉ lệ tử vong, suy dinh dưỡng trẻ em ngày càng giảm, nhiều dịch bệnh bị đẩy lùi.

CÂU HỎI

1. Tại sao giải quyết việc làm đang là vấn đề xã hội gay gắt ở nước ta ?

2. Chúng ta đạt được những thành tựu gì trong nâng cao chất lượng cuộc sống?

TUẦN 2- MÔN GD&ĐT

A. NỘI DUNG GHI VỎ

BÀI 2: TỰ CHỦ

I. Đặt vấn đề: SGK

II. Nội dung bài học

1. Thế nào người biết tự chủ ?

Người biết tự chủ là:

- Làm chủ được bản thân
- Làm chủ suy nghĩ, tình cảm và hành vi của mình trong mọi hoàn cảnh, tình huống.
- Biểu hiện: bình tĩnh tự tin và biết tự điều chỉnh hành vi của mình

2. Vì sao phải tự chủ ?

Phải tự chủ vì:

- Tự chủ là một đức tính quý giá.
- Tự chủ giúp ta:
 - + Biết sống một cách đúng đắn và cư xử có văn hóa, có đạo đức.
 - + Đứng vững trước những khó khăn và những thử thách, cám dỗ

3. Rèn luyện:

- Tập suy nghĩ trước khi nói và hành động
- Sau mỗi việc làm cần xem lại thái độ, lời nói và hành động của mình là đúng hay sai và kịp thời rút kinh nghiệm.

*** Ca dao:**

*Dù ai nói ngả nói nghiêng
Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.*

B. BÀI TẬP VẬN DỤNG

3. Em hãy nêu một số câu ca dao, tục ngữ hoặc thành ngữ nói về đức tính tự chủ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Em hãy viết một đoạn văn ngắn khoảng 5 đến 6 câu kể về một lần thiếu tự chủ của em hoặc của người khác. Em rút ra được bài học gì cho bản thân?

.....

.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....

TUẦN 2- MÔN MĨ THUẬT 9

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	Khối 9:Tuần 2- Tiết 2 Bài 2: Thường thức mỹ thuật CHẠM KHẮC GỖ ĐÌNH LÀNG VIỆT NAM
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	I. Vài nét khái quát về đình làng VN - Đình làng là nơi thờ Thành Hoàng, bàn bạc và giải quyết việc làng, và tổ chức lễ hội hằng năm. - Đình làng thường nằm trong một quần thể kiến trúc hài hòa, bao gồm đình làng, cây xanh và trước mặt ao, hồ ,giếng, ...thiên nhiên, để tạo phong thủy âm dương hòa hợp. - Đặc điểm : Kiến trúc đình làng kết hợp với chạm khắc trang trí do bàn tay của người thợ nông dân tạo nên nên mộc mạc, uyển chuyển và duyên dáng. - Làng Đình Bảng (Bắc Ninh), Lỗ Hạnh (Bắc Giang), Tây Bằng, Chư Quyền (Hà Tây)→đó là những ngôi đình tiêu biểu cho đình làng Việt nam. II. Nghệ thuật chạm khắc gỗ đình làng VN 1. Hình tượng - Gắn bó với kiến trúc. - Đầu đao, rồng, và những hoạt động sinh hoạt xã hội : gánh con, vui đùa , uống rượu, đánh cờ, tấu nhạc và các trò chơi dân gian... - Quan sát tranh và hoạt động nhóm. - Mái đìnhlợp ngói mũi hài, hình cánh diều tạo vẻ nhẹ nhàng, bay bổng cho đình, thường chiếm 2/3 chiều cao của đình., sân đình thường được lát gạch. - Đình làng to rộng, thường dựng bằng gỗ lim. Cột đình to tròn, thẳng, được đặt trên đá tảng lớn.Đình làng cổ thường có sàn gỗ cao khoảng 0,7m , tương xây bằng gạch, mái đình lợp ngói mũi hài. * Lưu ý: đình thường đặt ở nơi trung tâm, thoáng đãng, khác với chùaavaf đền thường nằm ở địa điểm tĩnh mịch, khuất lối. - Đình làng có không gian mở, gắn với cảnh quan bên ngoài. Gian giữa thường kéo dài về phía sau gọi là chuôi vồ nên đình làng thường có hình chữ đình (T) 2. Đặc điểm : Nét chạm khắc phóng khoáng, dứt khoát, có độ nông sâu rõ ràng, độ sáng tối linh hoạt và tinh tế , với cảm hứng dồi dào của người sáng tạo. Chạm khắc đình làng đã thể hiện được cuộc sống muôn màu, muôn vẻ nhưng rất lạc quan yêu đời của người nông dân. - Nội dung miêu tả cuộc sống hàng ngày của người nông dân. Các bức tranh thể hiện về đề tài sinh hoạt XH và các hình tượng trang trí đã cho thấy sự phong phú về đề tài và cách thể hiện sáng tạo của nghệ nhân xưa. (vui chơi, đi

cày, uống rượu, chơi gà, hình các cô tiên,...)

- Hình thức biểu hiện giản dị, trực tiếp và chân chất.
- NT tạo hình khoẻ khoắn và mộc mạc, phóng khoáng, tự do, thoát khỏi những chuẩn mực chặt chẽ, khuôn mẫu của nghệ thuật cung đình, chính thống; bộc lộ tâm hồn của người sáng tạo ra nó.
- Vẻ đẹp tự nhiên mộc mạc và giản dị thoát khỏi những quan niệm của giai cấp phong kiến



III. Đặc điểm chạm khắc gỗ đình làng VN:

- Các bức chạm khắc chủ yếu là phản ánh những sinh hoạt của nhân dân trong cuộc sống thường nhật.
- Nghệ thuật chạm khắc mộc mạc, khoẻ khoắn, phóng khoáng, bộc lộ tâm hồn sáng tạo của người nông dân.
- Chạm khắc gỗ đình làng Việt Nam được coi là đỉnh cao nghệ thuật chạm khắc dân gian, có giá trị như một kho tàng chứa đựng bức tranh toàn cảnh về đời sống nông thôn Việt nam tạo nên giá trị nghệ thuật độc đáo của kiến trúc đình làng.

Hoạt động 2:

<i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	- Học và trả lời theo các câu hỏi trong sgk.
--	--

Bài 2: Vật liệu điện dùng trong lắp đặt mạng điện trong nhà

• Nội dung chính

- Vật liệu điện thường dùng trong lắp đặt mạng điện.
- Cách sử dụng một số vật liệu điện thông dụng.

I. Dây dẫn điện:

1. Phân loại

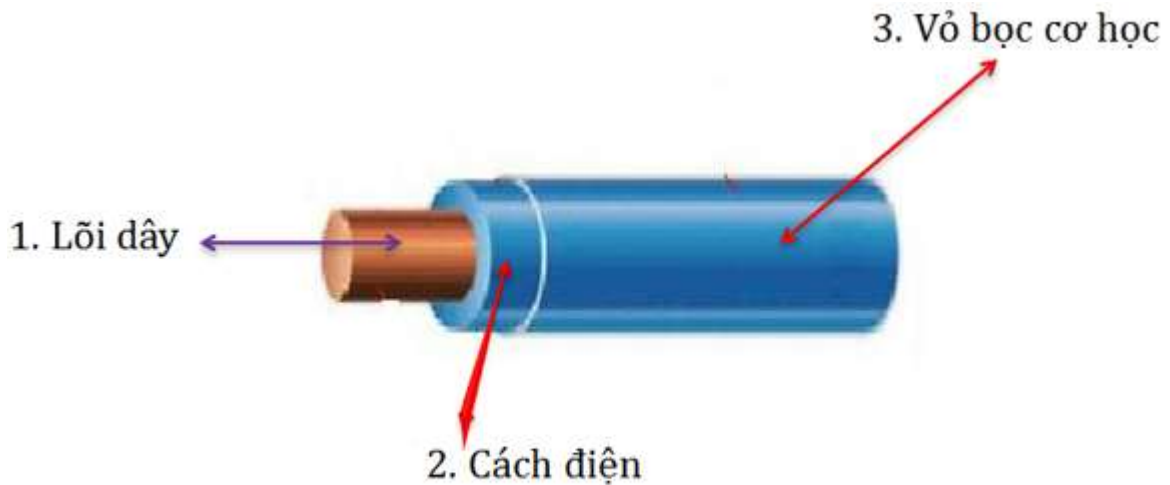
Có nhiều loại dây dẫn cách điện:

- Dựa vào vỏ cách điện, dây dẫn điện được chia thành dây dẫn trần và dây dẫn bọc cách điện.
- Dựa vào số sợi của lõi có 1 lõi, dây nhiều lõi, dây lõi 1 sợi và lõi nhiều sợi.
- Mạng điện trong nhà thường sử dụng loại dây dẫn điện được bọc cách điện.



Hình 6. Một số loại dây dẫn

2. Cấu tạo dây dẫn điện được bọc cách điện



Hình 7. Cấu tạo dây dẫn điện được bọc cách điện

- Gồm 2 phần: Lõi và vỏ cách điện.

• **Lõi dây:** Thường được làm bằng đồng hoặc nhôm. Được chế tạo thành 1 sợi hoặc nhiều sợi bện với nhau.

• **Vỏ cách điện:**

◦ Gồm 1 hoặc nhiều lớp.

◦ Thường bằng cao su, chất cách điện tổng hợp (PVC).

• **Vỏ bọc cơ học:** Chống va đập cơ học, ảnh hưởng của độ ẩm nước và các chất hóa học.



Hình 8. Mô phỏng dây dẫn điện

3. Sử dụng dây dẫn điện

- Phải sử dụng dây dẫn tuân theo thiết kế của mạng điện.
- Kí hiệu của dây dẫn bọc cách điện là: $M(n \times F)$.

- + M là lõi đồng.
- + n là số lõi dây.
- + F là tiết diện của lõi dây (mm^2).
- Trong quá trình sử dụng cần chú ý:
 - Thường xuyên kiểm tra vỏ cách điện của dây dẫn để tránh gây ra tai nạn điện cho người sử dụng.
 - Đảm bảo an toàn khi sử dụng dây dẫn điện nối dài(dây dẫn có phích cắm điện).

TUẦN 2- MÔN THỂ DỤC Khối 9:**BÀI 2: CÁC ĐỘNG TÁC BỔ TRỢ KỸ THUẬT CHẠY CỰ LI NGẮN- CHẠY BỀN**

- Luyện tập chạy bước nhỏ 1 phút 30 giây x 3 lần
- Chạy nâng cao đùi 1 phút 30 giây x 3 lần
- Chạy gót chạm mông 1 phút 30 giây x 3 lần
- **Nhảy dây 5 phút x 3 lần**

TUẦN 2- MÔN TIẾNG ANH 9

**HỌC SINH TRẢ LỜI VÀ GHI VÀO VỞ, LÀM BÀI TẬP
(HOẶC TRẢ LỜI VÀO PHIẾU HỌC TẬP) CÁC NỘI DUNG NÀY**

Full name: _____ Class: 9A_____

**WEEK 2 (13/9- 17/9/2021) ENGLISH 9
UNIT 1: A VISIT FROM A PEN PAL(cont)
PERIOD 3: READ**

VOCABULARY

1. Asian	(a)	/'eɪʃn/	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
Association of South East Asian Nations			
2. divide into	v	/dɪ'vaɪd/	chia ra
division	N	/dɪ'vɪʒ.ən/	Sự phân chia, phép chia
3. region	(n)	/'ri:dʒən/	vùng, miền
regional	(a)	/'ri:dʒənəl/	thuộc vùng, miền
4. separate	v	/'sep.ə.ət/	Tách rời, ngăn cách
separate	a		Riêng biệt, khác nhau
separation	n	/,sep.ə'reɪ.ʃən/	Sự tách rời, sự ngăn cách
5. comprise	(v)	/kəm'praɪz/	bao gồm
6. tropical	(a)	/'trɒpɪkl/	thuộc về nhiệt đới
The tropics	Pl.n		Vùng nhiệt đới
7. climate	(n)	/'klaɪmət/	khí hậu
8. currency	n	-/'kʌrənsi /	Tiền tệ, hệ thống tiền tệ
unit of currency		/'ju:nɪt - əv- /'kʌrənsi /	đơn vị tiền tệ
9. consist of	(v)	/kən'sɪst əv/	bao gồm, gồm có
10. include	(v)	/ɪn'klu:d/	bao gồm, gồm có
11. population	(n)	/.pɒpjʊ'leɪʃn/	dân số
12. Islam	(n)	/'ɪzlɑ:m/	Hồi giáo
Islamic	A	/ɪz'la:.mɪk/	Thuộc đạo Hồi
13. official	(a)	/ə'fɪʃl/	chính thức
religion	(n)	/rɪ'lɪdʒən/	tôn giáo

religious	(a)	/rɪˈlɪdʒəs/	thuộc về tôn giáo
16. in addition		/əˈdɪʃn/	ngoài ra
17. Buddhism	(n)	/'bʊdɪzəm/	Phật giáo
Buddhist	n	/'bʊd.ɪst/	Phật tử
	a		Thuộc về đạo phật
18. Hinduism	(n)	/'hɪnduːɪzəm/	Ấn Độ giáo, đạo Hindu
Hindu	(n)	/'hɪn.duː/	Người theo đạo Ấn
	a		Thuộc Ấn Độ giáo
19. widely	(adv)	/'waɪdli/	một cách rộng rãi
20. educate	(v)	/'edʒukeɪt/	giáo dục
education	(n)	/,edʒuˈkeɪʃn/	nền giáo dục
educational	(a)	/,edʒuˈkeɪʃnəl/	thuộc về giáo dục
21. instruct	(v)	/ɪnˈstrʌkt/	hướng dẫn, chỉ dạy
instruction	(n)	/ɪnˈstrʌkʃn/	việc giáo dục
instructor	(n)	/ɪnˈstrʌktə(r)/	người hướng dẫn
22. compulsory	(a)	/kəmˈpʌlsəri/	bắt buộc# optional
compulsorily		kəmˈpʌl.sər.əl.i/	buộc lòng, đành
compel	v	/kəmˈpel/	bắt buộc
compulsion	N	/kəmˈpʌl.ʃən/	Sự bắt buộc
23. nation	n	/'nei.ʃən/	Quốc gia, dân tộc
national	n	/'næʃ.nəl/	Thuộc quốc gia, dân tộc
National language	n		
nationwide	adv	/,nei.ʃənˈwaɪd/	Khắp cả nước
24. Primary school			Trường tiểu học
25. Secondary school			Trường trung học
26. primary	a	/'praɪ.mer.i/	Chính, quan trọng nhất, hàng đầu, cơ bản

27. area	(n)	/'eəriə/	diện tích
28. member country		/'membə(r) - 'kʌntri/	quốc gia thành viên

a) Fill in the table with the right information about Malaysia (SGK trang 10)

1. Area:	5. Capital city:
2. Population:	6. Official religion:
3. Climate:	7. National language:
4. Unit of currency:	8. Compulsory second language:

b) True or false? Check (✓) the boxes. Then correct the false statements (SGK trang 10)

	T	F
1. Malaysia is a member country of ASEAN.		
2. There are two religions in Malaysia.		
3. People speak only Malay in Malaysia.		
4. Primary school children learn three languages at school.		
5. All secondary school children learn in English.		

HOMEWORK

SECTION 1: Can you translate the text into Vietnamese?

SECTION 2: - Do Ex I, II, III (page 5), VIII, IX (page 8), (Mai Lan Huong)

- Do you know the population of Malaysia now?

WEEK 2 (13/9- 17/9/2021) ENGLISH 9
UNIT 1: A VISIT FROM A PEN PAL(cont)
PERIOD 4: WRITE

VOCABULARY

1. relative	(n)	/'relətiv/	nhân thân, bà con
2. farewell party	(n)	/, feə'wel - 'pɑ:ti/	tiệc chia tay
3. hang – hung –	(v)	/hæŋ - hʌŋ -	treo, máng

[illegible]

SECTION 1: Do E.x X (page 8), XI(page 9), I, II - (page 9), (Mai Lan Huong)
- SECTION 2: - Write another letter to your friend?

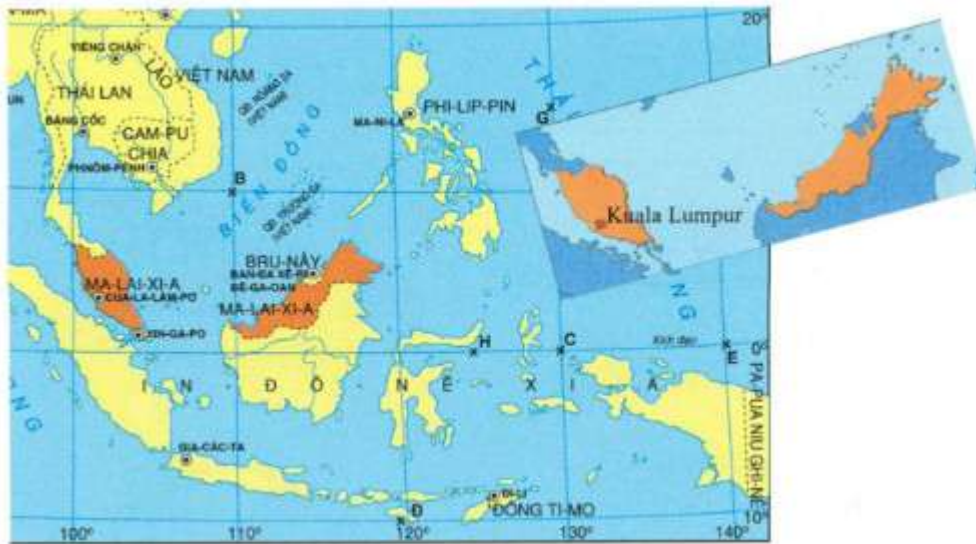
STUDENTS THINK THEN ANSWER:

- Malaysia is one of the countries of the Association of South East Asian Nations (ASEAN). It is divided into two regions, known as West Malaysia and East Malaysia. They are

separated by about 640 km of the sea and together comprise an area of 329,758 sq km. Malaysia enjoys tropical climate. The Malaysian unit of currency is the ringgit, consisting of 100 sen.

The capital of Malaysia is Kuala Lumpur and it is also the largest city in the country. The population in 2001 was over 22 million. Islam is the country's official religion. In addition, there are other religions such as Buddhism and Hinduism. The national language is Bahasa Malaysia (also known simply as

Malay). English, Chinese, and Tamil are also widely spoken. The language of instruction for primary school children is Bahasa Malaysia, Chinese, or Tamil. Bahasa Malaysia is the primary language of instruction in all secondary schools, although some students may continue learning in Chinese or Tamil. And English is a compulsory second language.



a) Fill in the table with the right information about Malaysia (SGK trang 10)

(Điền thông tin đúng vào bảng nói về nước Malaysia.)

1. Area:	5. Capital city:
2. Population:	6. Official religion:
3. Climate:	7. National language:
4. Unit of currency:	8. Compulsory second language:

b) True or false? Check (✓) the boxes. Then correct the false statements (SGK trang 10)

(Đúng hay sai. Điền dấu (✓) vào ô trống. Sau đó sửa các câu sai cho đúng.)

	T	F
1. Malaysia is a member country of ASEAN. (Malaysia là một thành viên của ASEAN)		
2. There are two religions in Malaysia. (Có hai tôn giáo ở Malaysia)		
3. People speak only Malay in Malaysia. (Mọi người chỉ nói tiếng Malay ở)		

Malaysia)		
4. Primary school children learn three languages at school. (Trẻ em tiểu học học ba ngôn ngữ ở trường học)		
5. All secondary school children learn in English. (Mọi trẻ em trung học đều học tiếng Anh)		

HOMEWORK

SECTION 1: Can you translate the text into Vietnamese?

SECTION 2: - Do Ex I, II, III (page 5), VIII, IX (page 8), (Mai Lan Huong)
-Do you know the population of Malaysia now?

WEEK 2 (13/9- 17/9/2021) ENGLISH 9 UNIT 1: A VISIT FROM A PEN PAL PERIOD 4: WRITE

STUDENTS THINK THEN ANSWER:

1. Do you have any relatives or friends in another part of Viet Nam or other countries?
2. Imagine you are visiting your relatives or friends in another part of Viet Nam or in a different country. Now you want to write a letter to your family, what do you write in your letter?

Imagine you are visiting your relatives or friends in another part of Viet Nam or in a different country. Write a letter to your family. Follow the outline.

(Hãy tưởng tượng rằng bạn đang đi thăm người thân hay bạn bè ở một vùng khác của Việt Nam hoặc ở một quốc gia khác. Sau đó bạn hãy viết một bức thư gửi cho gia đình theo dàn ý sau:)

	Outline
First paragraph: (Đoạn văn đầu tiên)	• say when you arrived and who met you at the bus /train station / airport (nói khi nào bạn đến và bạn sẽ gặp ai tại bến xe buýt/ ga tàu/ sân bay)
Second paragraph: (Đoạn văn thứ 2)	Talk about: • what you've done (những gì bạn đã làm) • places you've visited địa danh bạn đã đến thăm • people you've met người bạn đã gặp • food you've tried đồ ăn bạn đã nếm thử • things you've bought những thứ bạn đã mua

Third paragraph: (Đoạn văn thứ 3)	• tell how you feel (happy / disappointed...) <i>kể về cảm nhận của bạn (vui vẻ/ thất vọng...)</i> • say what interests you most (people / places / activities...) <i>(kể về điều mà bạn thích nhất (con người/ địa danh/ hoạt động ...))</i> • mention when you return home <i>(cho biết lúc nào bạn trở về nhà)</i>
--------------------------------------	---

HOMEWORK

SECTION 1: Do E.x X (page 8), XI(page 9), I, II - (page 9), (Mai Lan Huong)
 - SECTION 2: - Write another letter to your friend?

TUẦN 2- TOÁN 9
BÀI 3, 4 .LIÊN HỆ GIỮA PHÉP NHÂN, CHIA VÀ PHÉP KHAI PHƯƠNG

Ví dụ 1: Áp dụng quy tắc khai phương một tích, hãy tính:

a) $\sqrt{0,09.64}$

b) $\sqrt{2^4.(-7)^2}$

Giải:

a) Ta có: $\sqrt{0,09.64} = \sqrt{0,09}.\sqrt{64} = 0,3.8 = 2,4$

b) Ta có: $\sqrt{2^4.(-7)^2} = \sqrt{2^4}.\sqrt{(-7)^2} = 2^2.7 = 28$

Ví dụ 2: Áp dụng quy tắc nhân, hãy tính:

a) $\sqrt{7}.\sqrt{63}$

b) $\sqrt{0,4}.\sqrt{6,4}$

Giải:

a) Ta có: $\sqrt{7}.\sqrt{63} = \sqrt{7.63} = \sqrt{7.7.9} = \sqrt{7.7.3.3} = 7.3 = 21$

b) Ta có: $\sqrt{0,4}.\sqrt{6,4} = \sqrt{0,4.6,4} = \sqrt{0,04.64} = \sqrt{0,04}.\sqrt{64} = 0,2.8 = 1,6$

Chú ý: Một cách tổng quát, với biểu thức A không âm và biểu thức B dương ta có

$$\sqrt{\frac{A}{B}} = \frac{\sqrt{A}}{\sqrt{B}}$$

Btvn : Bài 3,4 trang 13 sgk

.....

Btvn : Hình Bài 8 trang 70 sgk

HOÁ HỌC LỚP 9- TUẦN 2

TÊN CHỦ ĐỀ: OXIDE (tiết 3+4)

I. Khái niệm về oxide (oxit)

Oxide là hợp chất của oxygen với một nguyên tố khác

Tên Basic oxide = tên kim loại + hóa trị (nếu có) + oxide

VD: MgO : Magnesium oxide

CuO : Copper (II) oxide

Fe_2O_3 : Iron (III) oxide

Fe_3O_4 : Iron (II, III) oxide

Tên Acidic oxide = tiền tố + tên phi kim + tiền tố + oxide

CO_2 : Carbon dioxide

SO_3 : Sulfur trioxide

P_2O_5 : Diphosphorus pentoxide

1: mono 2: di 3: tri 4: tetra 5: penta

II. Tính chất hóa học của oxide

1. Tính chất của basic oxide (oxit bazơ)

a) basic oxide + nước $\rightarrow$ dung dịch base

(CaO , BaO , Li_2O , Na_2O , K_2O)

VD: $\text{CaO} + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \text{Ca(OH)}_2$

b) basic oxide + acid $\rightarrow$ muối + nước

VD: $\text{CuO} + \text{HCl} \rightarrow \text{CuCl}_2 + \text{H}_2\text{O}$

c) basic oxide + acidic oxide $\rightarrow$ muối

VD: $\text{BaO} + \text{CO}_2 \rightarrow \text{BaCO}_3 \downarrow$

2. Tính chất của acidic oxide (oxit axit)

a) acidic oxide + nước $\rightarrow$ acid

VD: $\text{P}_2\text{O}_5 + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \text{H}_3\text{PO}_4$

b) acidic oxide + dung dịch base $\rightarrow$ muối + nước

VD: $\text{CO}_2 + \text{Ca(OH)}_2 \rightarrow \text{CaCO}_3 \downarrow + \text{H}_2\text{O}$

c) acidic oxide + basic oxide $\rightarrow$ muối

3. Phân loại oxide

- basic oxide : có khả năng phản ứng với acid tạo ra muối
- acidic oxide: có khả năng phản ứng với base tạo ra muối
- oxide lưỡng tính: có khả năng phản ứng với acid và base để tạo muối: Al_2O_3 ; ZnO
- oxide trung tính: không tác dụng với acid và base: NO , CO

Luyện Tập

Bài 1: Có những oxide sau: Na_2O , BaO , MgO , Fe_2O_3 , P_2O_5 , ZnO , Al_2O_3 , SO_3 , CaO , Fe_3O_4 .

Hãy cho biết những oxide nào tác dụng với?

- a) Nước
- b) Hydrochloric acid (axit HCl)
- c) Sodium hydroxide (NaOH)

Viết PTHH

Bài 2: Cho những oxide sau: CO_2 , SO_2 , Na_2O , CaO , CuO .

Hãy chọn những chất trên tác dụng được với:

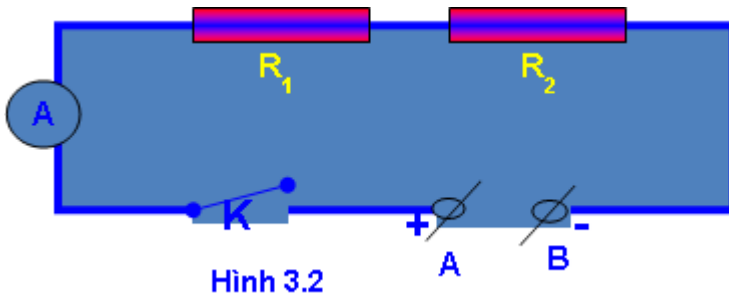
- a) Nước tạo thành acid
- b) Nước tạo thành dung dịch base
- c) Dd acid tạo thành muối và nước
- d) dd base tạo thành muối và nước

Viết PTHH

CHỦ ĐỀ 3: ĐOẠN MẠCH NỐI TIẾP

I. Đoạn mạch gồm các điện trở mắc nối tiếp:

1. Cường độ dòng điện và hiệu điện thế trong đoạn mạch nối tiếp



- Cường độ dòng điện có giá trị như nhau tại mọi điểm :

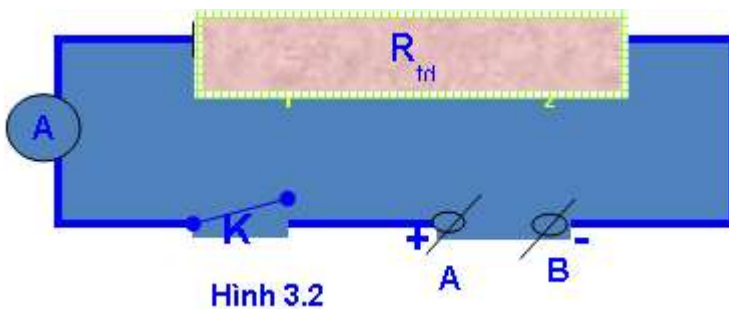
$$I_{AB} = I_1 = I_2 \quad (1)$$

- Hiệu điện thế giữa hai đầu đoạn mạch bằng tổng các hiệu điện thế trên mỗi đèn:

$$U_{AB} = U_1 + U_2 \quad (2)$$

2. Điện trở tương đương của đoạn mạch nối tiếp

a. **Điện trở tương đương:** $R_{tđ}$ của đoạn mạch gồm nhiều điện trở là một điện trở thay thế cho các điện trở đó, sao cho với cùng một hiệu điện thế thì cường độ dòng điện chạy qua đoạn mạch vẫn có giá trị như trước



b. **Công thức tính điện trở tương đương của đoạn mạch gồm 2 điện trở mắc nối tiếp:**
Đoạn mạch gồm hai điện trở mắc nối tiếp có điện trở tương đương bằng tổng các điện trở thành phần:

$$R_{td} = R_1 + R_2$$

PHIẾU HỌC TẬP

1. Chứng minh: $\frac{U_1}{U_2} = \frac{R_1}{R_2}$

Cường độ dòng điện qua R_1 : $I_1 = \dots\dots\dots$

Cường độ dòng điện qua R_2 : $I_2 = \dots\dots\dots$

Do hai điện trở mắc nối tiếp $I_{AB} = I_1 = I_2$

Suy ra: $\dots\dots\dots$ Hay $\frac{U_1}{U_2} = \frac{R_1}{R_2}$ (đpcm)

2. Chứng minh: $R_{td} = R_1 + R_2$

Gợi ý: Dựa vào hệ thức (2) đoạn mạch nối tiếp: $U = U_1 + U_2$.

Hiệu điện thế giữa 2 đầu R_1 : $U_1 = I_1 \cdot R_1$

Hiệu điện thế giữa 2 đầu R_2 : $U_2 = \dots\dots\dots$

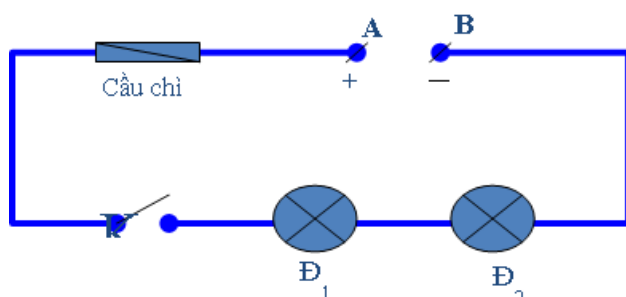
Hiệu điện thế giữa 2 đầu R_{td} : $\dots\dots\dots$

Trong đoạn mạch nối tiếp: $I = \dots\dots\dots = \dots\dots\dots$

Và $U = \dots\dots\dots + \dots\dots\dots$

Suy ra: $\dots\dots\dots$

3.



a. Khi công tắc K mở, hai đèn có hoạt động không? Vì sao?

.....

b. Khi công tắc K đóng, cầu chì bị đứt, hai đèn có hoạt động không? Vì sao?

.....

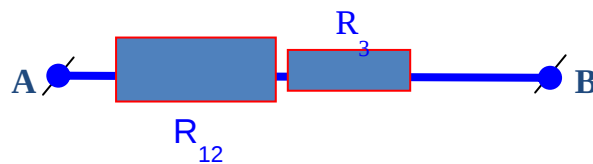
c. Khi công tắc K đóng, dây tóc đèn Đ₁ bị đứt đèn Đ₂ có hoạt động không? Vì sao?

.....

4. $R_1 = R_2 = 20\Omega$



Mắc thêm điện trở R_3



+ $R_{td} = ?$

+ $R_3 = 20\Omega$

$R'_{td} = ?$

Điện trở tương đương của R_1 và R_2 :

$R'_{td} = \dots\dots\dots$

Điện trở tương đương của R_1 , R_2 và R_3 là :

$R'_{td} = \dots\dots\dots$

$= \dots\dots\dots$

$= \dots\dots\dots$

TỔNG HỢP NỘI DUNG TỰ HỌC CÁC MÔN KHỐI 9

TUẦN 3: Từ (20/9 – 26/9/ 2021)

I. MÔN NGỮ VĂN

TUẦN 3 NGỮ VĂN 9

CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG

I. ĐỌC- HIỂU CHÚ THÍCH:

A. Tác giả- Tác phẩm:

- Nguyễn Dữ: Xem sgk tr.48,49

- Thể loại: Truyện truyền kì

B. Từ khó: Xem SGK trang 49,50,51

C. Bố cục: 3 đoạn

- Đoạn 1 (từ đầu... cha mẹ đẻ mình): Cuộc hôn nhân giữa Trương Sinh và Vũ Nương, họ xa cách vì chiến tranh, phẩm hạnh của Vũ Nương trong thời gian xa cách

- Phần 2(tiếp... trót đã qua rồi): Nỗi oan khuất và cái chết bi thảm của Vũ Nương

-Đoạn 3 (còn lại): Cuộc gặp gỡ giữa Phan Lang và Vũ Nương trong động Linh Phi, Trương Sinh lập đàn giải oan cho Vũ Nương

II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN:

1) Nhân vật Vũ Nương trong từng hoàn cảnh:

- **Khi còn ở nhà:** Tính thủy mì nét na lại thêm tư dung tốt đẹp

- **Trong cuộc sống vợ chồng:**

Giữ gìn khuôn phép, không để xảy ra mối bất hòa

- **Khi tiễn chồng đi lính:** mong chồng bình an trở về, cảm thông cho những nỗi gian lao vất vả của chồng, bày tỏ nỗi lòng thương nhớ

- **Khi xa chồng:** Vũ Nương là một người vợ thủy chung, người mẹ hiền, nàng dâu thảo

- **Khi bị chồng nghi oan:**

+ Một mực khẳng định tấm lòng thủy chung trong trắng

+ Đau đớn, thất vọng khi chồng vẫn không tin lời

+ Thất vọng tột cùng nên gieo mình xuống sông

- **Khi sống ở thủy cung:** Là người coi trọng ơn nghĩa, thủy chung, giàu lòng vị tha

→ Nhân vật Vũ Nương là người phụ nữ xinh đẹp, nét na, hiền thực, đảm đang, hiếu thảo, thủy chung, coi trọng ơn nghĩa, vị tha nhưng phải chết một cách oan uổng đau đớn

2) Nguyên nhân về cái chết oan khuất của Vũ Nương:

- Do cuộc hôn nhân không bình đẳng

- Do thói đa nghi, ghen tuông của Trương Sinh

- Do tính cách gia trưởng, cách xử sự độc đoán của TS

→Cái chết của Vũ Nương có giá trị ý nghĩa: tố cáo XH phong kiến đã xem trọng quyền uy của kẻ giàu và của người đàn ông trong gia đình, đồng thời bày tỏ niềm thương cảm cho số phận oan nghiệt của người phụ nữ trong XH phong kiến

3)Nghệ thuật kể chuyện:

- Sắp xếp một số tình tiết hợp lí làm tăng tính bi kịch, làm truyện hấp dẫn và sinh động
- Lời thoại và lời tự bạch của nhân vật được sắp xếp đúng chỗ góp phần khắc họa tâm lí và tính cách nhân vật
- Các yếu tố kì ảo xen kẽ với các yếu tố có thực về địa danh và lịch sử làm cho câu chuyện gần gũi với cuộc đời thực, tăng độ tin cậy
- Những yếu tố kì ảo làm hoàn chỉnh thêm nét đẹp vốn có của Vũ Nương và thể hiện ước mơ về sự công bằng của nhân dân: Vũ Nương bị TS nghi oan và TS phải là người giải oan cho nàng.
- Chi tiết về 3 chiếc bóng trong câu chuyện(chiếc bóng nhỏ con của VN ở đầu truyện, chiếc bóng của TS ở giữa truyện, chiếc bóng của VN ở cuối truyện) mang ý nghĩa thắt nút và mở nút cho bi kịch, đồng thời thể hiện lòng thương cảm của tác giả cho số phận người phụ nữ.

III.GHI NHỚ:SGK trang 5

VI. LUYỆN TẬP:

- HS kể tóm tắt lại truyện
- Viết đoạn văn nêu cảm nhận về vẻ đẹp và số phận của người phụ nữ phong kiến qua của nhân vật Vũ Nương

Tuần 3 Ngữ văn 9

HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ

I.ĐỌC- HIỂU CHÚ THÍCH:

A.Tác giả-Tác phẩm:

-Nhóm tác giả dòng họ Ngô,có 2 tác giả chính: Ngô Thì Chí và Ngô Thì Du(xem thêm sgk tr.70)

-Tác phẩm(sgk tr.70)

B.Từ khó: Xem SGK trang 71

C.Đại ý:Đoạn trích miêu tả chiến thắng lẫy lừng của vua Quang Trung, sự thảm hại của quân tướng nhà Thanh và số phận lũ vua quan phản dân hại nước

D.Bố cục: 3 phần

Phần1 :Được tin báo quân Thanh đã chiếm Thăng Long, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế và thân chinh cầm quân dẹp giặc

Phần 2 :Cuộc hành quân thần tốc và chiến thắng lẫy lừng của vua Quang Trung

Phần 3: Sự đại bại của quân tướng nhà Thanh và tình trạng thảm hại của vua tôi Lê Chiêu Thống

II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN:

A. HÌNH ẢNH NGƯỜI ANH HÙNG DÂN TỘC QUANG TRUNG – NGUYỄN HUỆ:

1) Là người hành động mạnh mẽ, quyết đoán

- Ngày 24.11.1788 (Mậu Thân), Nguyễn Huệ nhận được tin báo quân Thanh đã đến Thăng Long và việc vua Lê thụ phong An Nam Quốc Vương của nhà Thanh, chỉ 1 tháng sau, N. Huệ đã đưa ra những quyết định và hành động nhanh gọn, quả quyết:

+ Ngày 25 tháng Chạp (12).1788: Lên ngôi hoàng đế, tự mình đốc suất đại binh

+ Ngày 29.12: Đến Nghệ An, cho mời Nguyễn Thiếp để bàn việc đánh giặc Thanh, rồi tổ chức kén lính và mở cuộc duyệt binh lớn, sau đó tiến quân ra Tam Điệp

2) Là người trí tuệ sáng suốt, nhạy bén:

+ Sáng suốt nhận định tình hình thời cuộc, tương quan chiến lược giữa ta và giặc

+ Động viên, khích lệ các tướng sĩ về lòng yêu nước, khơi lại niềm tự hào về truyền thống hào hùng của DT

+ Sáng suốt trong việc dùng người, biết coi trọng người hiền tài như Nguyễn Thiếp và Ngô Thì Nhậm, cách xử trí với 2 tướng Sở và Lân thật anh minh

3) Là người có ý chí quyết thắng và tầm nhìn xa trông rộng:

- Thân hành cầm quân, phương lược tiến đánh đã có tính sẵn, chẳng quá 10 ngày sẽ đuổi được giặc Thanh, hẹn các tướng sĩ mừng 7 sẽ vào thành Thăng Long

- Tính sẵn một kế hoạch ngoại giao sau chiến thắng để lo toan sự nghiệp hòa bình lâu dài của đất nước

4) Là người có tài dụng binh như thần: Chỉ huy 1 cuộc hành quân thần tốc, bí mật, bất ngờ

- 25.12.1788 xuất quân từ thành Phú Xuân

- 29.12 đến Nghệ An rồi tiến quân ra Tam Điệp.

- Tại Tam Điệp, QT mở tiệc khao quân, sửa lễ cúng Tết trước. Tối 30 Tết hành quân bí mật ra Bắc

- Nửa đêm mùng 3 tháng Giêng năm Kỉ Dậu (1789) tới làng Hà Hồi, lạng lẽ vây kín làng, bắc loa truyền gọi, quân lính luân phiên dạ ran, tưởng như có hơn vạn người → giặc rụng rời, sợ hãi liền xin hàng

- Mờ sáng mùng 5 Tết, tiến sát đồn Ngọc Hồi, truyền ghép 60 tấm ván làm thành 20 bức lớn, cứ 10 người lính khiêng 1 bức, dàn thành trận chữ nhất (dàn thành đội quân hàng ngang), vừa che ván vừa xông lên, khi chạm giặc thì quăng ván, xông tới mà đánh

- Trước đó, ở bờ đê Yên Duyên mở cờ giống trống làm kẻ nghi binh ở phía đông, giặc Thanh thua, tháo chạy tới, không dám vào, bèn tìm lối tắt theo đường Vịnh Kiều mà chạy trốn, thì bị đội quân voi của ta giầy đạp

- Giữa trưa mùng 5, QT tiến binh đến Thăng Long

5) Hình ảnh vua QT oai phong lẫm liệt trong chiến trận:

- Hình ảnh vua QT cưỡi voi đốc thúc tướng sĩ, xông pha khắp trận chiến với khí thế tiên công oai hùng, dũng mãnh

6) Quang Trung là vị vua có lòng yêu nước nồng nàn:

- Những lời vua nói, những việc vua làm đều thể hiện lòng yêu nước thương dân sâu sắc

→ Các tác giả đã tôn trọng sự thật LS và thể hiện ý thức dân tộc khi miêu tả người anh hùng dân tộc Quang Trung- Nguyễn Huệ

B. SỰ THAM BẠI CỦA QUÂN TƯỚNG NHÀ THANH VÀ SỞ PHẬN BI ĐẤT CỦA VUA TÔI LÊ CHIÊU THỐNG:

1) Tôn Sĩ Nghị bất tài, kiêu căng, khinh địch. Quân tướng bỏ chạy tán loạn, đêm ngày đi gấp không dám nghỉ

→ Cuộc tháo chạy được miêu tả bằng nhịp điệu nhanh, mạnh, hối hả, thể hiện sự hả hê sung sướng của người thắng trận

2) Vua tôi Lê Chiêu Thống chạy bán sống, bán chết, mấy ngày không ăn

→ Cuộc tháo chạy được miêu tả bằng nhịp điệu chậm, thể hiện sự ngậm ngùi chua xót vì các tác giả vốn là những cự thần của nhà Lê

→ Cách kể chuyện xen kẽ miêu tả sinh động gây ấn tượng mạnh

III. GHI NHỚ: Xem sgk tr.72

VI. LUYỆN TẬP

Viết đoạn văn nêu cảm nhận về vẻ đẹp của người anh hùng dân tộc Quang Trung Nguyễn Huệ

Ngữ văn 9 SỰ PHÁT TRIỂN TỪ VỰNG

I. Phát triển nghĩa của từ ngữ bằng cách tạo ra nghĩa chuyển từ nghĩa gốc

1) VD: Mùa xuân

- Xuân (nghĩa gốc):

Mùa chuyển tiếp từ đông sang hạ, thời tiết ấm dần lên, được coi là mùa mở đầu một năm

- Tuổi **xuân**

- **Xuân** (nghĩa chuyển): tuổi trẻ

→ chuyển nghĩa ẩn dụ: dựa vào nét tương đồng

2) VD: Bàn tay

Tay (nghĩa gốc): Bộ phận phía trên của cơ thể từ vai đến các ngón để cầm nắm

- **Tay quần vợt** (nghĩa chuyển): người chuyên hoạt động hay giỏi 1 môn, 1 nghề nào đó.

→ chuyển nghĩa hoán dụ: dựa vào sự tiếp cận, gần gũi

GHI NHỚ 1 : (sgk tr.56)

II. Phát triển nghĩa của từ ngữ bằng cách tạo ra từ ngữ mới:

Cho mô hình: X + tặc (hải tặc, sơn tặc...)

→ đình tặc, cát tặc, vàng tặc, thiếc tặc, tin tặc, tóc tặc

GHI NHỚ 2 : (sgk tr.73)

III. Phát triển nghĩa của từ ngữ bằng cách mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài:

- Mượn tiếng Hán: Thanh minh, tài tử giai nhân, ca sĩ

- Mượn ngôn ngữ châu Âu: Internet, chat, mail, messenger, viber

III. GHI NHỚ: SGK tr.74

IV. LUYỆN TẬP:

Bài tập 1 : Cho mô hình : X + sĩ → em hãy tạo ra các từ khác từ mô hình này

Bài tập 2 : Tìm thêm những từ mượn ngôn ngữ nước ngoài gần đây mà em biết

Bài tập 3 : Cho các từ : mắt, tai, chân, đầu. Em hãy giải thích nghĩa gốc và tìm các nghĩa chuyển của những từ này. Cho biết đó là nghĩa chuyển ẩn dụ hay hoán dụ?

II. MÔN LỊCH SỬ 9

GỢI Ý HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC (Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến) PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC (TUẦN 3)

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	LỚP 9 BÀI 2: LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ GIỮA NHỮNG NĂM 70 ĐẾN ĐẦU NHỮNG NĂM 90 CỦA TK XX
Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.	- <i>HS đọc trang 9-12/SGK Lịch Sử 9/NXBGD</i> 1/ Mục tiêu bài học Hiểu và trình bày được : - Từ giữa những năm 70 đến đầu những năm 90 của thế kỉ XX là giai đoạn khủng hoảng dẫn đến sự tan rã và sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô, Đông Âu. - Những thành tựu đạt được và một số sai lầm, hạn chế của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu dẫn tới sự khủng hoảng, sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. - Những khó khăn, phức tạp, thiếu sót, sai lầm trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu. 2/ Cách học * Mục I. Dựa vào bài giảng và SGK, tìm hiểu phần chữ in nhỏ kết hợp khai thác Hình 3. Cuộc biểu tình đòi li khai và độc lập ở Lit-va để nêu được nguyên nhân dẫn đến sự khủng hoảng và tan rã của Liên bang Xô viết (bắt đầu từ cuộc khủng hoảng dầu mỏ năm 1973 và sự chậm chễ trong việc tiến hành cải cách về kinh tế, chính trị - xã hội đã làm cho Liên Xô lâm vào khủng hoảng nặng nề trong những năm 80 của thế kỉ XX). - Tìm hiểu SGK, trả lời câu hỏi cuối mục, tập trung vào một số ý sau: + Nêu được đường lối cải tổ của M. Goóc-ba-chốp. + Quá trình cải tổ diễn ra như thế nào? (có những khó khăn gì?) + Công cuộc cải tổ đã dẫn đến tình trạng đất nước như thế nào? - Sử dụng Hình 4. Lược đồ các nước SNG để xác định lãnh thổ, các quốc gia của Liên Xô trước và sau ngày 25-12-1991. * Mục II. Dựa vào SGK (đoạn chữ in nhỏ), so sánh với tình hình Liên Xô để rút ra những điểm tương đồng về nguyên nhân dẫn đến tình trạng khủng hoảng của CNXH ở Đông Âu và Liên Xô. - Nêu rõ quá trình khủng hoảng của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu (sức mạnh các cuộc đấu tranh chính trị của quần chúng, sự kích động của các thế lực chống phá chủ nghĩa xã hội ở bên ngoài, đặc biệt là sự bất lực của Ban lãnh đạo các nước Đông Âu đã đưa tới sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở các nước này).

	- Trên cơ sở so sánh tình hình Đông Âu với Liên Xô để thấy được sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu đã dẫn đến những thay đổi to lớn ở các nước Đông Âu. - Đánh giá một số thành tựu đã đạt được cũng như những sai lầm, hạn chế của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sau sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu. 3/ Một số khái niệm, thuật ngữ: - Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG): sau cuộc đảo chính thất bại nhanh chóng ngày 21-8-1991 ở Liên Xô, ngày 21-12-1991 tại thủ đô An-ma A-ta (Ca-dắc-xtan), 11 nước cộng hoà trong Liên bang Xô viết trước đây kí Hiệp định về giải tán Liên bang Xô viết và thành lập Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG). Đây là một hình thức liên minh mới giữa các nước cộng hoà cũ của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết, sau khi nước này tan vỡ. - Đa nguyên chính trị (chủ nghĩa): theo quan điểm triết học, đa nguyên luận đối lập với nhất nguyên luận, cho rằng thế giới nói chung phát sinh và phát triển bắt đầu từ nhiều khởi nguyên, cơ cấu thế giới hình thành độc lập, riêng rẽ với nhau. Theo quan điểm tư sản, đa nguyên là chủ trương nhiều đảng phái cùng hoạt động trong một nước.
Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.	<i>TRẢ LỜI CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP TRONG SGK</i> 1/ Công cuộc cải tổ ở Liên Xô đã diễn ra như thế nào và kết quả cuối cùng ra sao? 2/ Quá trình khủng hoảng và sụp đổ của chế độ chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu đã diễn ra như thế nào?

*** Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.**

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Lịch sử	Mục I: Mục II:	1. 2. 3.

BÀI GHI CỦA HS

BÀI 2: LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU TỪ GIỮA NHỮNG NĂM 70 ĐẾN ĐẦU NHỮNG NĂM 90 CỦA TK XX

I. Sự khủng hoảng và tan rã của Liên bang Xô viết:

a. Nguyên nhân: Sau cuộc khủng hoảng dầu mỏ năm 1973, nền kinh tế xã hội của Liên Xô ngày càng rơi vào tình trạng trì trệ, không ổn định và lâm dần vào khủng hoảng: Sản xuất công nghiệp và nông nghiệp không tăng, đời sống nhân dân khó khăn, lương thực và hàng hoá tiêu dùng thiết yếu ngày càng khan hiếm, tệ nạn quan liêu, tham nhũng trầm trọng...

b. Quá trình khủng hoảng:

- Tháng 3-1985, Gorbaciov đề ra đường lối cải tổ nhằm đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng.

- Do thiếu chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết và thiếu một đường lối chiến lược đúng đắn, công cuộc cải tổ nhanh chóng lâm vào tình trạng bị động, khó khăn và bế tắc. Đất nước càng lún sâu vào khủng hoảng và rối loạn: bãi công, nhiều nước cộng hoà đòi ly khai, tệ nạn xã hội gia tăng, ...

- Hậu quả: Đảng Cộng sản và Nhà nước Liên bang hầu như tê liệt. Ngày 21 – 12 – 1991, 11 nước cộng hoà kí hiệp định về giải tán Liên bang, thành lập Cộng đồng các quốc gia độc lập (viết tắt là SNG). Tối 25 – 12 – 1991, Gorbaciov tuyên bố từ chức Tổng thống, lá cờ Liên bang Xô viết trên nóc điện Krem-li bị hạ xuống, đánh dấu sự chấm dứt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên bang Xô viết sau 74 năm tồn tại.

II. Hệ quả của cuộc khủng hoảng và tan rã của chế độ XHCN ở các nước Đông Âu.

- Chính quyền mới ở các nước Đông Âu đều tuyên bố từ bỏ chủ nghĩa xã hội, thực hiện đa nguyên về chính trị và chuyển nền kinh tế theo cơ chế thị trường với nhiều thành phần sở hữu. Tên nước thay đổi, nói chung đều gọi là các nước cộng hoà.

- Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên Xô chấm dứt sự tồn tại của hệ thống xã hội chủ nghĩa (ngày 28 – 6 – 1991, SEV ngừng hoạt động và ngày 1 – 7 – 1991, Tổ chức Hiệp ước Vác-sa giải tán). Đây là những tổn thất hết sức nặng nề đối với phong trào cách mạng thế giới và các lực lượng dân chủ, tiên bộ ở các nước.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2 (TIẾT 3-BÀI 3-LỊCH SỬ 9)

Câu 1. Hãy khoanh tròn chữ cái trước ý trả lời đúng.

1. Cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô bắt nguồn từ:

A. Tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, bắt đầu từ cuộc khủng hoảng dầu mỏ năm 1973.

B Sự chậm trễ không tiến hành cải cách kinh tế, chính trị, xã hội của Ban lãnh đạo Đảng, Nhà nước Liên Xô.

C. Mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô tồn tại nhiều thiếu sót và sai lầm, cản trở sự phát triển đi lên của đất nước.

D. Tình trạng vi phạm pháp chế, quan liêu, thiêu dân chủ trong xã hội càng trầm trọng.

2. Mục đích công cuộc cải tổ ở Liên Xô là:

- A. Xây dựng nền kinh tế hàng hoá, đưa Liên Xô phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa.
- B. Phát triển tiềm lực kinh tế, quốc phòng, tiếp tục cạnh tranh với các nước tư bản chủ nghĩa.
- C. Đưa đất nước thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng, tiếp tục công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đích thực.
- D. Tiếp tục phát triển nền kinh tế, văn hoá, khoa học - kĩ thuật của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

3. *Tổng thống Goóc-ba-chốp đã tuyên bố từ chức vào:*

- A. Tháng 3-1985.
- B. Tháng 8-1991.
- C. Ngày 21-12-1991.
- D. Ngày 25-12-1991.

4. *Công cuộc cải tổ ở Liên Xô để lại hậu quả nghiêm trọng nhất là:*

- A. Kinh tế tiếp tục trượt dài trong khủng hoảng.
- B. Nhiều cuộc bãi công bùng nổ ở khắp đất nước.
- C. Các nước cộng hòa đua nhau đòi độc lập và tách khỏi Liên bang.
- D. Đảng Cộng sản Liên Xô bị đình chỉ hoạt động, nhà nước Liên bang tê liệt.

Câu 2: Công cuộc cải tổ ở Liên Xô đã diễn ra như thế nào và đạt được kết quả ra sao?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 3: Cuộc khủng hoảng và tan rã của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu diễn ra như thế nào?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

III. MÔN ĐỊA LÝ 9

Bài 5

THỰC HÀNH

PHÂN TÍCH VÀ SO SÁNH THÁP DÂN SỐ NĂM 1989 VÀ NĂM 1999

1/ Quan sát tháp dân số năm 1989 và 1999

* So sánh hình dạng tháp:

.....

* So sánh cơ cấu dân số theo độ tuổi:

.....

.....

* Tỷ lệ dân số phụ thuộc:

.....

2/ Thay đổi cơ cấu dân số theo độ tuổi:

* Nhận xét:

* Nguyên nhân:

.....

3/ Cơ cấu dân số theo độ tuổi nước ta:

* Thuận lợi:

.....

* Khó khăn:

.....

.....

* Giải pháp khắc phục những khó khăn:

.....

ĐỊA LÍ KINH TẾ

Bài 6: SỰ PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ VIỆT NAM

I. Nền kinh tế nước ta trước thời kỳ đổi mới: (Giảm tải trang 19/SGK)

II. Nền kinh tế nước ta trong giai đoạn đổi mới:

Công cuộc Đổi mới kinh tế triển khai năm 1986 đã đưa nền kinh tế nước ta thoát khỏi khủng hoảng, từng bước ổn định và phát triển.

1. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế:

- Là nét đặc trưng của quá trình đổi mới, thể hiện ở ba mặt chính:
- + Chuyển dịch cơ cấu ngành: Giảm tỉ trọng khu vực nông lâm ngư nghiệp, tăng tỉ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Khu vực dịch vụ chiếm tỉ trọng cao nhưng còn biến động.
- + Chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ: Hình thành các vùng chuyên canh trong nông nghiệp, các lãnh thổ tập trung công nghiệp, dịch vụ, tạo nên các vùng kinh tế phát triển năng động.
- + Chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế: Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần.
- Hệ thống kinh tế được hình thành với nhiều trung tâm công nghiệp mới, vùng chuyên canh trong nông nghiệp và sự phát triển của các thành phố lớn.
- Đã hình thành 3 vùng kinh tế trọng điểm: Vùng kinh tế trọng điểm bắc Bộ, Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.
- Từ năm 1996 nước ta bước vào giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2. Những thành tựu và thách thức:

- + Thành tựu:
 - Tăng trưởng kinh tế nhanh, tương đối vững chắc, cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa.
 - Trong công nghiệp đã hình thành một số ngành trọng điểm, nổi bật là ngành dầu khí, điện, chế biến lương thực thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng...
 - Hình thành và phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hóa.
 - Hoạt động ngoại thương được thúc đẩy, thu hút mạnh đầu tư nước ngoài.
 - Có sự hội nhập vào nền kinh tế khu vực và toàn cầu.
- + Thách thức:
 - Ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên, thiếu việc làm, chênh lệch về kinh tế giữa các vùng miền còn lớn, miền núi còn nhiều xã nghèo.
 - Biến động trên thị trường thế giới và khu vực.
 - Các thách thức khi tham gia AFTA, WTO...

CÂU HỎI

1. Nêu một số thành tựu và thách thức trong phát triển kinh tế của nước ta.

IV. MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 9

BÀI 12: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN TRONG HÔN NHÂN

V. NỘI DUNG BÀI HỌC :

1. Thế nào là hôn nhân?

Hôn nhân là :

- Sự liên kết đặc biệt giữa một nam và một nữ trên nguyên tắc, bình đẳng, tự nguyện, được Nhà nước thừa nhận;
- Nhằm chung sống lâu dài và xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc.

2. Những qui định của pháp luật nước ta về hôn nhân.

a. Nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân ở Việt Nam:

- Tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng.
- Hôn nhân giữa công dân Việt Nam thuộc các dân tộc, các tôn giáo ; giữa người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo ; giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.
- Vợ chồng có nghĩa vụ thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình.

b. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong hôn nhân:

*** Kết hôn :**

- Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên
- Việc kết hôn do nam nữ tự nguyện quyết định và phải được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền
- Không vi phạm những điều pháp luật cấm về kết hôn

*** Mọi quan hệ vợ chồng:**

- Bình đẳng, có nghĩa vụ và quyền ngang nhau về mọi mặt.
- Tôn trọng danh dự, nhân phẩm và nghề nghiệp của nhau.

3. Trách nhiệm của công dân – học sinh :

- Có thái độ thận trọng, nghiêm túc trong tình yêu và hôn nhân.
- Không vi phạm qui định của pháp luật về hôn nhân.

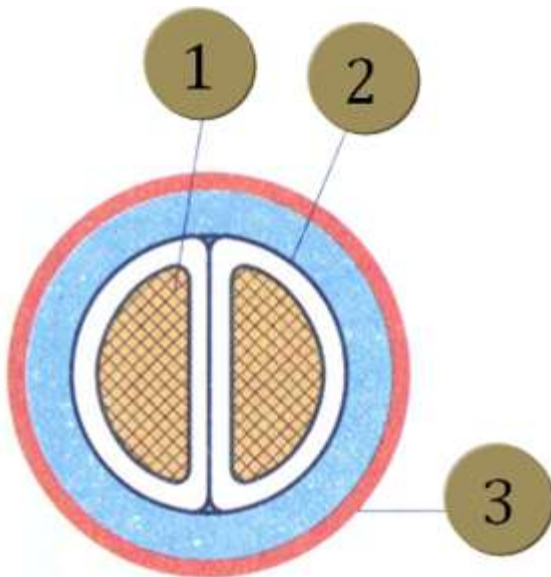
Bài 2: Vật liệu điện dùng trong lắp đặt mạng điện trong nhà (t.t)

I. Dây dẫn điện:

II. Dây cáp điện:

- Cáp điện bao gồm 1 hoặc nhiều lõi dây dẫn được bọc cách điện, bên ngoài là vỏ bảo vệ mềm.
- Cáp điện của mạng điện trong nhà là loại cáp 1 pha, điện áp thấp, 1 lõi hoặc 2 lõi.

1. Cấu tạo:



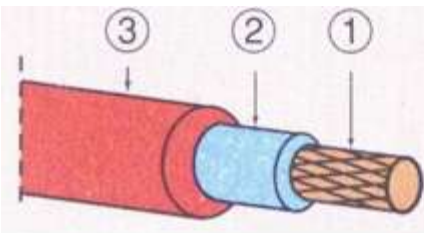
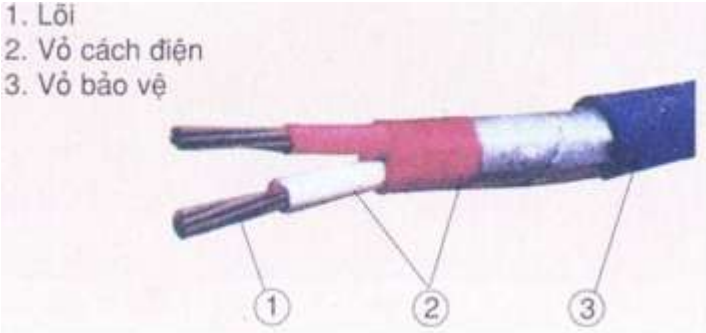
Hình 9. Cấu tạo dây cáp điện

Trong đó:

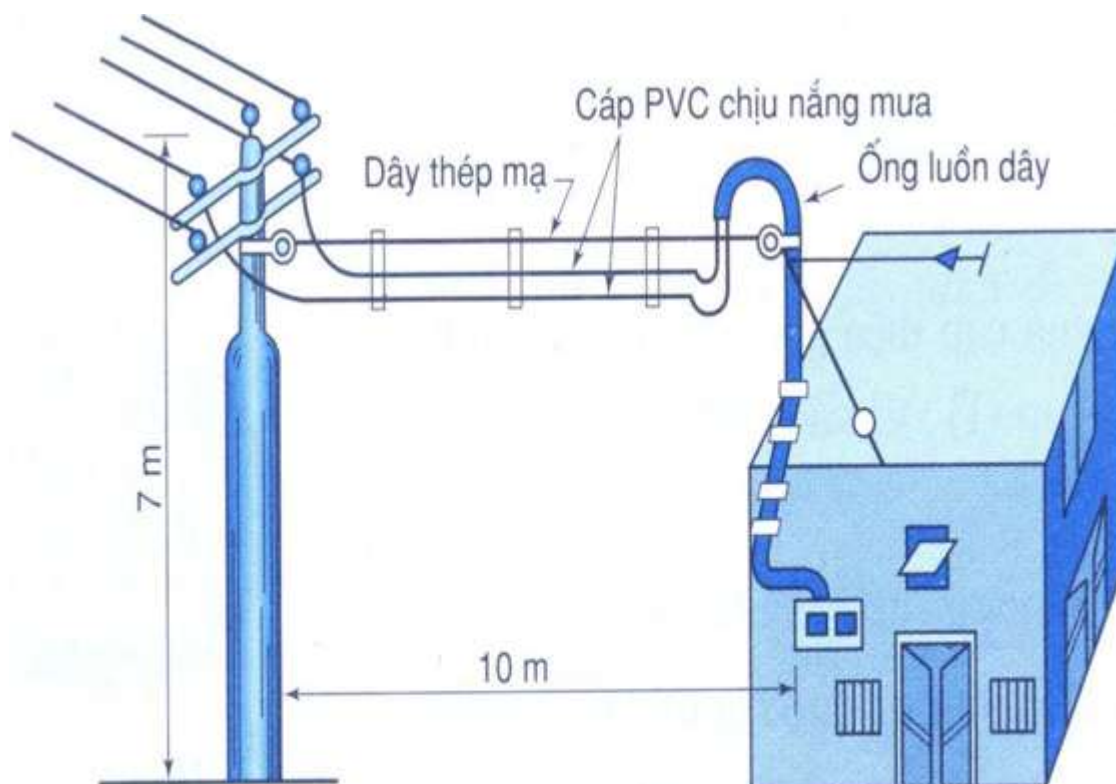
- 1. Lõi cáp: Bằng đồng (hoặc nhôm), gồm một lõi hoặc nhiều lõi.
- 2. Vỏ cách điện: Bằng cao su tự nhiên, cao su tổng hợp, PVC.
- 3. Vỏ bảo vệ: Được chế tạo cho phù hợp với các môi trường lắp đặt cáp khác nhau.

Một số loại dây cáp điện

Tên gọi	Cấu tạo	Phạm vi sử dụng

Cáp 1 lõi	 1. Lõi 2. Vỏ cách điện 3. Vỏ bảo vệ	Có thể sử dụng mỗi cáp cho 1 dây pha hoặc 1 dây trung tính
Cáp 2 lõi	 1. Lõi 2. Vỏ cách điện 3. Vỏ bảo vệ	Có thể sử dụng 1 cáp cho pha (1 lõi dây pha, 1 lõi dây trung tính)

3. Sử dụng cáp điện:



Hình 10. Mạch cung cấp điện vào nhà đường cáp bọc PVC

- Với mạng điện trong nhà, cáp được dùng để lắp đặt đường dây hạ áp dẫn điện từ lưới điện phân phối gần nhất đến mạng điện trong nhà.

- Cấp được gọi tên theo chất cách điện.

III. Vật liệu cách điện:

- **Khái niệm:** Vật liệu cách điện là vật liệu không cho dòng điện đi qua.
- **Ý nghĩa:** Đảm bảo cho dòng điện làm việc hiệu quả, an toàn cho người và mạng điện.
- **Yêu cầu:**
 - Độ cách nhiệt cao.
 - Chịu nhiệt tốt.
 - Chống ẩm tốt.
 - Có độ bền cơ học cao.
- Ví dụ: Pu li sứ, vỏ đèn, vỏ cầu chì, ống luồn dây dẫn, ...



Hình 11. Một số vật liệu cách điện

**HỌC SINH TÌM HIỂU BÀI HỌC - TRẢ LỜI VÀ GHI VÀO VỞ, LÀM BÀI TẬP
(HOẶC TRẢ LỜI VÀO PHIẾU HỌC TẬP) CÁC NỘI DUNG NÀY**

Full name: _____ Class: 9A_____

WEEK 3 (20/9-24/9/2021) ENGLISH 9
UNIT 1: A VISIT FROM A PEN PAL(cont)
LESSON: LANGUAGE FOCUS

VOCABULARY

1. ghost	(n)	UK /gəʊst/; US /goʊst/	Bóng ma
2. monster	(n)	/'mɑ:n.stə/	Quái vật
3. farewell	(n)	/,fer'wel/	Việc chào tạm biệt
farewell party	(n)	/,feə'wel - 'pɑ:ti/	tiệc chia tay
4. hang – hung – hung	(v)	/hæŋ - hʌŋ - hʌŋ/	treo, máng
5. wish	(v)	/wɪʃ/	ước, mong ước

1. Work with a partner. Ask and answer questions about what each person did on the weekend.

A: What did..... do on the weekend?

B: He/ She(past simple).....

A: When did she/ he ?

B: She/ He(past simple)..... it on(days of weekend) at (time)..... .

2. Lan and her friends are holding a farewell party for Maryam. Write the things they did to prepare for the party. Use the pictures and the words in the box.

1. Lan made a cake.

2.

3.

4.

5.

3. Work with a partner. Write wishes you want to make in these situations.

a. I wish I were taller.

b. I wish I were in the swimming pool.

c. I wish

d. I wish.....

e. I wish

f. I wish

g. I wish

h. I wish

i. I wish

HOMEWORK

- Do E.x III (page 10) , IV (page 11), V , VI (PAGE 12,13(Mai Lan Huong)

WEEK 3 (20/9-24/9/2021) ENGLISH 9 EXERCISES OF UNIT 1- ENGLISH 9

I/Choose the correct answers (2.5pts)

- I wish I _____ you some money for your rent, but I'm broke myself.
A. can lend
B. would lend
C. could lend
D. will lend
- I wish I _____ people with the same interests.
A. meet
B. can meet
C. could meet
D. will meet
- We all _____ it were the weekend tomorrow.
A. think
B. hope
C. want
D. wish
- My brother wishes he _____ English perfectly well.
A. spoke
B. speaks
C. is speaking
D. has spoken
- Many workers wish that they _____ labour contracts with the companies.
A. were signing
B. sign
C. signed
D. were signed

II. Rewrite the following sentences, using "Wish" (2.5pts)

- I don't know more people.
I wish.....
- I don't have a key.
I wish.....
- Ann isn't here.
I wish.....
- It is cold .
I wish.....
- I live in a big city

I wish.....

III. Give the correct word formation (5pts)

- 1- Islam is one of the great world _____. (religious)
- 2- She felt alone and _____. (friend)
- 3- Quebec wanted some form of _____ from the rest of Canada. (separate)
- 4- Mathematics is a _____ subject at school. (compel)
- 5- The garden is _____ with trees and flowers. (beauty)
- 6- They enjoy the _____ atmosphere here. (peace)
- 7- The _____ unit of currency is the Ringgit. (Malaysia)
- 8- The _____ anthem of Viet Nam is sung. (nation)
- 9- There is an _____ match between Vietnam and Lebanon on VTV3. (nation)
- 10- The language of _____ is Bahasa Malaysia. (instruct)

Bài 3: Thường thức mỹ thuật

SƠ LƯỢC VỀ MỸ THUẬT CÁC DÂN TỘC ÍT NGƯỜI Ở VIỆT NAM

I. Vài nét khái quát về các dân tộc VN

- 54 cộng đồng dân tộc anh em sinh sống
- Dao, Mường, Tày, Thái, Nùng, Ê đê, Chăm, Ba Na, Gia rai, Khơ mú, Dáy, Tà ôi, Xơ đăng, K'Ho....
- Các cộng đồng dân tộc đó sát cánh bên nhau trong cuộc chiến tranh chống ngoại xâm, giành độc lập dân tộc.
- Mỗi cộng đồng dân tộc có một nét văn hoá riêng tạo nên sự đa dạng phong phú cho Văn hoá dân tộc Việt nam.



II. Đặc điểm mỹ thuật các dân tộc ít người ở Việt Nam

a. Tranh thờ

- Là tranh Phản ánh ý thức hệ lâu đời hướng thiện, răn đe điều ác và cầu may mắn, phúc lành cho mọi người.
- Đặc điểm : Tranh vẽ bằng các màu tự do, tự tạo, được in nét sẵn.
- Bố cục thuận mắt, khéo léo.

b. Thổ cẩm

- Là nghệ thuật trang trí trên vải đặc sắc, được thể hiện bằng bàn tay khéo léo, tinh xảo của người phụ nữ dân tộc.

c. Nhà Rông

- Là ngôi nhà chung, là nơi sinh hoạt chung của buôn làng, Nhà được thiết kế cao to chắc khoẻ được trang trí công phu.
- Được làm bằng chất liệu gỗ, tre, nứa, mái lợp cỏ tranh. Nhờ đó tạo được sự gần gũi song lại được chú trọng về mặt kiến trúc và trang trí tinh xảo, công phu. Được trang trí cả trong lẫn ngoài.

d. Tượng nhà mồ

- Là nhà dành cho người chết, đó là sự tưởng niệm của người sống dành cho người chết. Nhà mồ có các tượng đặt xung quanh để làm vui lòng những người đã khuất theo tục lệ của các dân tộc Tây Nguyên..

đ. Tháp Chấm (Ninh Thuận)

- Là công trình kiến trúc bao gồm nhiều tầng, thu nhỏ dần ở đỉnh, được xây bằng gạch rất cứng .

- Chạm khắc trang trí trên khối tường đã xây

- Hoạ tiết hoa là xen kẽ với hình người và thú vật

* Tháp Chấm được UNESCO công nhận là di sản văn hoá thế giới .

e. Điêu khắc Chăm

- Nghệ thuật tạc tượng giàu chất hiện thực và mang đậm dấu ấn tôn giáo, vững vàng về tỉ lệ, cách tạo khối căng, tròn, mịn màng, đầy gợi cảm.

- Ngôn ngữ tạo hình giản dị có tính khái quát cao.

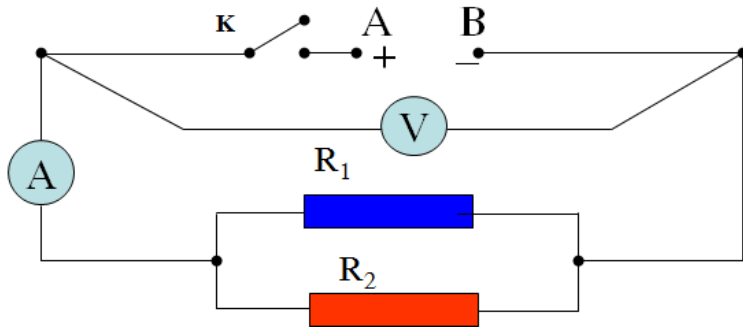
*** Hướng dẫn về nhà**

Em có thể sưu tầm tranh, ảnh các mẫu điêu khắc, thổ cẩm của các dân tộc ít người, nhà sàn, nhà rông, tượng nhà mồ, tháp Chăm và điêu khắc Chăm

VẬT LÝ 9 **CHỦ ĐỀ 3: ĐOẠN MẠCH NỐI TIẾP (tt)**

II. Cường độ dòng điện và hiệu điện thế trong đoạn mạch mắc song song

1. Cường độ dòng điện và hiệu điện thế trong đoạn mạch mắc song song



- Hiệu điện thế hai đầu đoạn mạch bằng hiệu điện thế giữa hai đầu mỗi mạch rẽ:

$$U_{AB} = U_1 = U_2 \quad (1)$$

- Cường độ dòng điện chạy qua mạch chính bằng tổng các cường độ dòng điện chạy qua các mạch rẽ

$$I_{AB} = I_1 + I_2 \quad (2)$$

2. Điện trở tương đương của đoạn mạch song song

Công thức tính điện trở tương đương của đoạn mạch gồm 2 điện trở mắc song song

$$\frac{1}{R_{td}} = \frac{1}{R_1} + \frac{1}{R_2}$$

Suy ra $R_{td} = \frac{R_1 R_2}{R_1 + R_2}$

Mở rộng công thức tính điện trở tương đương của đoạn mạch gồm 3 điện trở mắc song song:

$$\frac{1}{R_{td}} = \frac{1}{R_1} + \frac{1}{R_2} + \frac{1}{R_3}$$

PHIẾU HỌC TẬP

Câu 1: Hãy chứng minh rằng đối với đoạn mạch gồm 2 điện trở mắc song song, cường độ dòng điện qua mỗi điện trở tỷ lệ nghịch với điện trở đó

$$\frac{I_1}{I_2} = \frac{R_2}{R_1}$$

Hiệu điện thế qua R_1 : $U_1 = \dots\dots\dots$

Hiệu điện thế qua R_2 : $U_2 = \dots\dots\dots$

Do hai điện trở mắc song song $U_1 = U_2$

Suy ra: $\dots\dots\dots$ Hay $\frac{I_1}{I_2} = \frac{R_2}{R_1}$ (đpcm)

Câu 2: Hai điện trở $R_1=4\Omega$, $R_2=6\Omega$ mắc song song nhau rồi nối vào nguồn điện có hiệu điện thế $U=12V$. Tìm điện trở tương đương của các điện trở, hiệu điện thế hai đầu mỗi điện trở, cường độ dòng điện chạy qua mỗi điện trở và cường độ dòng điện qua mạch chính.

Điện trở tương đương: $\frac{1}{R_{td}} = \frac{1}{R_1} + \frac{1}{R_2} = \dots\dots\dots$

$\Rightarrow R_{td} = \dots\dots\dots$

Cường độ dòng điện chạy trong mạch chính: $\dots\dots\dots$

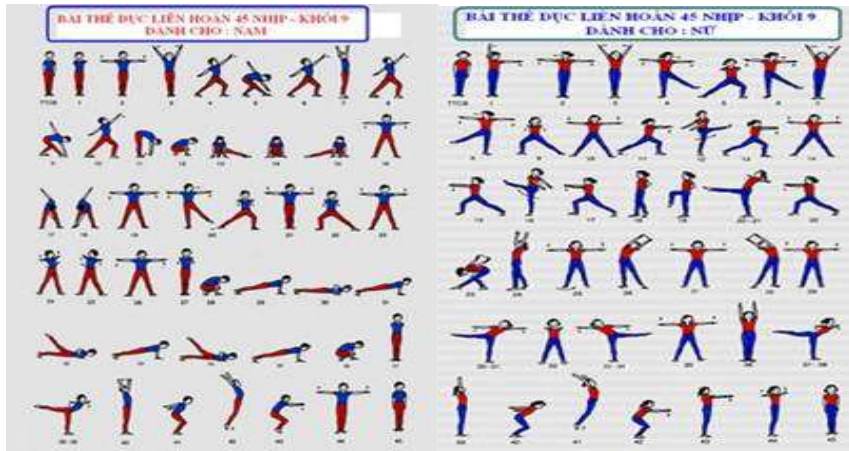
Do 2 điện trở mắc song song nên: $U_1 = U_2$

Tìm $I_1 = \dots\dots\dots$

$I_2 = \dots\dots\dots$

Câu 3: Hai điện trở $R_1 = 30 \, \Omega$, và $R_2 = 6 \, \Omega$ mắc song song rồi nối vào nguồn điện có hiệu điện thế U . Cho biết cường độ dòng điện chạy qua R_2 là $0,5 \, \text{A}$. Tìm cường độ dòng điện I chạy qua mạch chính

THỂ DỤC_ Khối 9: Bài thể dục - Chạy ngắn - Chạy bền



BÀI 2: CÁC ĐỘNG TÁC BỔ TRỢ KỸ THUẬT CHẠY CỤ LI NGẮN- CHẠY BỀN

- Luyện tập chạy bước nhỏ 1 phút 30 giây x 3 lần
- Chạy nâng cao đùi 1 phút 30 giây x 3 lần
- Chạy gót chạm mông 1 phút 30 giây x 3 lần
- Nhảy dây 5 phút x 3 lần

TUẦN 2 SINH 9_CHỦ ĐỀ : QUY LUẬT PHÂN LY ĐỘC LẬP

Bài 4:LAI HAI CẶP TÍNH TRẠNG

I. THÍ NGHIỆM CỦA MEN ĐEN

Khi lai cặp bố mẹ khác nhau về hai cặp tính trạng thuần chủng tương phản di truyền độc lập với nhau, thì F_2 có tỉ lệ mỗi kiểu hình bằng *tích các tỉ lệ* của các tính trạng hợp thành nó.

II.BIẾN DỊ TỔ HỢP

- BD tổ hợp là sự tổ hợp lại các tính trạng của bố mẹ(P)
- Nguyên nhân: có sự phân li độc lập và tổ hợp lại các cặp tính trạng làm xuất hiện các kiểu hình khác P.

IV.MENĐEN GIAI THÍCH KẾT QUẢTHÍ NGHIỆM

- Men Đen cho rằng mỗi cặp tính trạng do một cặp nhân tố di truyền (gen) qui định.
- Qui ước:

Gen A qui định hạt vàng

Gen a qui định hạt xanh

Gen B qui định vỏ trơn

Gen b qui định vỏ nhăn

Kiểu gen vàng, trơn thuần chủng có kiểu gen:

AABB còn kiểu gen xanh, nhăn : aabb

- Nd quy luật phân li độc lập : Các cặp nhân tố di truyền (gen) đã phân li độc lập trong quá trình phát sinh giao tử.

IV.Ý NGHĨA CỦA QUI LUẬT PHÂN LI ĐỘC LẬP

- Qui luật phân li độc lập giải thích được một trong những nguyên nhân làm xuất hiện biến dị tổ hợp, đó là sự phân li độc lập và tổ hợp tự do của các cặp gen
- Biến dị tổ hợp có ý nghĩa quan trọng đối với chọn giống và tiến hoá

TUẦN 3 SINH 9_ (TỪ NGÀY 20/9 – 25/9/2021)

TIẾT 5 – BÀI 5: LAI HAI CẶP TÍNH TRẠNG (TIẾP THEO)

I. MENĐEN GIAI THÍCH KẾT QUẢTHÍ NGHIỆM

- Men Đen cho rằng mỗi cặp tính trạng do một cặp nhân tố di truyền (gen) qui định.
- Qui ước:

Gen A qui định hạt vàng

Gen a qui định hạt xanh

Gen B qui định vỏ trơn

Gen b qui định vỏ nhăn

+ Kiểu gen Vàng, Trơn thuần chủng có kiểu gen là: AABB,
còn kiểu gen Xanh, Nhăn là: aabb

- Nội dung quy luật phân li độc lập : Các cặp nhân tố di truyền (gen) đã phân li độc lập trong quá trình phát sinh giao tử.

II. Ý NGHĨA CỦA QUI LUẬT PHÂN LI ĐỘC LẬP:

- Qui luật phân li độc lập giải thích được một trong những nguyên nhân làm xuất hiện biến dị tổ hợp, đó là sự phân li độc lập và tổ hợp tự do của các cặp gen
- Biến dị tổ hợp có ý nghĩa quan trọng đối với chọn giống và tiến hoá.

Luyện tập: có 2 bài tập trắc nghiệm:

Bài 1) Ở người, gen A qđ tóc xoăn, gen a qđ tóc thẳng, gen B qđ mắt đen, b qđ mắt xanh. Các gen plđl. Bố tóc thẳng, mắt xanh. Chọn mẹ có kiểu gen phù hợp để sinh ra con đều có kg mắt đen, tóc xoăn.

a, AaBb b, AaBB c, AABb **d, AABB**

Bài 2) Trong một quần thể, xét một cặp gen có 2 alen tương ứng B và b, các kiểu gen có thể có là: a, Bb và bb b, Bb **c, BB, Bb, bb** d, BB, bb, Bb, B, b

Trong quần thể có sự tổ hợp tự do của các alen.

Tiết 6 – bài 6: THỰC HÀNH

TÍNH XÁC SUẤT

XUẤT HIỆN CÁC MẶT CỦA ĐỒNG XU KIM LOẠI

HS xem trong Sách giáo khoa.

MÔN HOÁ HỌC LỚP 9-TUẦN 3 (tiết 5+6)
TIẾT 5: LUYỆN TẬP CHỦ ĐỀ “ OXIDE”

Bài 1: Có những oxide sau: Na_2O , BaO , MgO , Fe_2O_3 , P_2O_5 , ZnO , Al_2O_3 , SO_3 , CaO , Fe_3O_4 .
 Hãy cho biết những oxide nào tác dụng với?

- b) Nước
 c) Hydrochloric acid (axit HCl)
 c) Sodium hydroxide (NaOH)

Viết PTHH

Bài 2: Cho những oxide sau: CO_2 , SO_2 , Na_2O , CaO , CuO .

Hãy chọn những chất trên tác dụng được với:

- a) Nước tạo thành acid
 b) Nước tạo thành dung dịch base
 c) Dd acid tạo thành muối và nước
 d) dd base tạo thành muối và nước

Viết PTHH

Bài 3: Cho 3,2 gam CuO tác dụng với 200 g dung dịch acid H_2SO_4 có nồng độ 20%

- a) Viết PTHH xảy ra
 b) Tính nồng độ phần trăm của các chất có trong dung dịch sau phản ứng

TIẾT 6- CHỦ ĐỀ ACID

I.Khái niệm về acid

Acid là những chất khi tan trong nước tạo ra ion H^+

VD: $\text{HCl} \rightarrow \text{H}^+ + \text{Cl}^-$ $\text{H}_2\text{SO}_4 \rightarrow 2 \text{H}^+ + \text{SO}_4^{2-}$

CTHH	Tên gọi	Gốc acid	Tên gốc
HCl	Hydrochloric acid	-Cl	Chloride
H_3PO_4	Phosphoric acid	$\equiv\text{PO}_4$	Phosphate
H_2SO_4	Sulfuric acid	$=\text{SO}_4$	Sulfate
H_2CO_3	Carbonic acid	$=\text{CO}_3$	Carbonate
HNO_3	Nitric acid	$-\text{NO}_3$	Nitrate
H_2SO_3	Sulfurous acid	$=\text{SO}_3$	Sulfite
HBr	Hydrobromic acid	-Br	Bromide

Chú ý: Gốc acid không chứa oxygen có đuôi “ ide”

Gốc acid chứa nhiều nguyên tử oxygen có đuôi “ ate”

Gốc acid chứa ít nguyên tử oxygen có đuôi “ite”

II. Tính chất hóa học của acid

1. Acid làm giấy quỳ chuyển sang màu đỏ

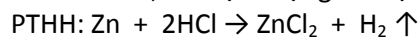
TN1: Nhỏ 1 giọt dung dịch HCl acid (Hydrochloric acid) vào màu giấy quỳ

HT: Giấy quỳ chuyển sang màu đỏ

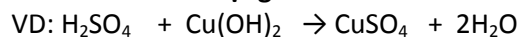
2. Acid tác dụng với kim loại (đứng trước H trong dãy hoạt động hóa học) → muối + khí hydrogen

TN2: Cho 4-5 viên Zn vào ống nghiệm 1, 1 mẫu Cu vào ống nghiệm 2. Sau đó nhỏ 3ml dung dịch HCl acid vào cả hai ống nghiệm

HT: Viên Zn tan dần, có hiện tượng sủi bọt khí, Cu không phản ứng



3. Acid tác dụng với base → muối + nước



Acid tác dụng với basic oxide → muối + nước

4. Acid tác dụng với basic oxide → muối + nước

